

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



**NGUỒN LAO ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG
NGUỒN LAO ĐỘNG Ở NÔNG THÔN**

2009

PHẦN I

NGUỒN LAO ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LAO ĐỘNG Ở NÔNG THÔN

I. Các khái niệm cơ bản liên quan đến nguồn lao động và sử dụng nguồn lao động ở nông thôn.

1. Các khái niệm cơ bản:

a) Khái niệm chung về lao động.

Lao động là hoạt động có mục đích của con người nhằm biến đổi các vật chất tự nhiên thành của cải vật chất cần thiết cho đời sống của mình. Trong quá trình sản xuất, con người sử dụng công cụ lao động tác động lên đối tượng lao động nhằm tạo ra sản phẩm phục vụ cho lợi ích của con người. Lao động là điều kiện chủ yếu cho tồn tại của xã hội loài người, là cơ sở của sự tiến bộ về kinh tế, văn hoá và xã hội. Nó là nhân tố quyết định của bất cứ quá trình sản xuất nào. Như vậy động lực của quá trình triển kinh tế, xã hội quy tụ lại là ở con người. Con người với lao động sáng tạo của họ đang là vấn đề trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, phải thực sự giải phóng sức sản xuất, khai thác có hiệu quả các tiềm năng thiên nhiên, trước hết giải phóng người lao động, phát triển kiến thức và những khả năng sáng tạo của con người. Vai trò của người lao động đối với phát triển nền kinh tế đất nước nói chung và kinh tế nông thôn nói riêng là rất quan trọng.

Nguồn lao động là toàn bộ những người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động (theo quy định của nhà nước: nam có tuổi từ 16-60; nữ tuổi từ 16-55).

Lực lượng lao động là bộ phận của nguồn lao động bao gồm những người trong độ tuổi lao động, đang có việc làm trong nền kinh tế quốc dân và những người thất nghiệp nhưng có nhu cầu tìm việc làm

b) Khái niệm nguồn lao động ở nông thôn.

- Khái niệm về nguồn lao động nông thôn.

Nguồn lao động nông thôn là một bộ phận dân số sinh sống và làm việc ở nông thôn trong độ tuổi lao động theo qui định của pháp luật (nam từ 16 đến 60 tuổi, nữ từ 16 đến 55 tuổi) có khả năng lao động.

Lực lượng lao động ở nông thôn là bộ phận của nguồn lao động ở nông thôn bao gồm những người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động, đang có việc làm và những người thất nghiệp nhưng có nhu cầu tìm việc làm.

Tuy nhiên do đặc điểm, tính chất, mùa vụ của công việc ở nông thôn mà lực lượng tham gia sản xuất nông nghiệp không chỉ có những người trong độ tuổi lao động mà còn có những người trên hoặc dưới độ tuổi lao động tham gia sản xuất với những công việc phù hợp với mình. Từ khái niệm nguồn lao động ở nông thôn mà ta thấy lao động ở nông thôn rất dồi dào, nhưng đây cũng chính là thách thức trong việc giải quyết việc làm ở nông thôn.

- Khái niệm về việc làm.

Trước đây trong cơ chế kế hoạch hoá tập trung người lao động được coi là có việc làm và được xã hội thừa nhận là người làm việc trong thành phần kinh tế quốc doanh, khu vực nhà nước và khu vực kinh

tế tập thể. Trong cơ chế đó nhà nước bố trí việc làm cho người lao động.

Hiện nay, nền kinh tế nước ta chuyển sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, quan niệm về việc làm đã thay đổi một cách căn bản. Theo điều 13 chương 3 Bộ luật lao động nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1994 đã ban hành: "Mọi hoạt động lao động tạo ra thu nhập, không bị pháp luật cấm đều được thừa nhận là việc làm". Với quan niệm về việc làm như trên sẽ làm cho nội dung của việc làm được mở rộng và tạo ra khả năng to lớn để giải phóng tiềm năng lao động, giải quyết việc làm cho nhiều người. Điều này được thể hiện trên hai góc độ:

+Thị trường việc làm được mở rộng bao gồm tất cả các thành phần kinh tế, các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh và cũng không hạn chế về mặt không gian (trong nước, ngoài nước....).

+ Người lao động được tự do hành nghề được tự do liên doanh, liên kết tự do thuê mướn lao động theo pháp luật và sự hướng dẫn của Nhà nước để tự tạo việc làm cho mình và thu hút thêm lao động. Để hiểu thêm về khái niệm việc làm ta cần hiểu thêm hai khái niệm sau:

Thứ nhất: việc làm đầy đủ : theo định nghĩa việc làm đầy đủ trong cuốn sử dụng lao động và giải quyết việc làm ở Việt Nam (trang 23- Nhà xuất bản sự thật), thì việc làm đầy đủ là sự thoả mãn nhu cầu việc làm của bất cứ ai có khả năng lao động trong nền kinh tế quốc dân. Hay nói cách khác việc làm đầy đủ là trạng thái mà mỗi người có khả năng lao động, muốn làm việc thì đều có thể tìm được việc làm trong thời gian ngắn.

Thứ hai: thiếu việc làm: được hiểu là không tạo được điều kiện cho người lao động sử dụng hết thời gian lao động của mình.

- Khái niệm tạo việc làm.

Tạo việc làm cho người lao động là phát huy sử dụng tiềm năng sẵn có của từng đơn vị, từng địa phương và của từng người lao động nhằm tạo ra những công việc hợp lý ổn định và đầy đủ xong việc làm đó phải đem lại thu nhập đảm bảo thoả mãn nhu cầu đời sống hàng ngày cho người lao động.

- Khái niệm sử dụng nguồn lao động.

Là hình thức phân công người lao động vào công việc mỗi công việc có đặc tính khác nhau về chuyên môn, hình thái. Sử dụng có hiệu quả nguồn lao động thực chất là việc phân bố nguồn lao động một cách hợp lý sao cho việc sử dụng lao động này đạt được mục đích là tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội.

Phân bố nguồn lao động chính là việc phân phối, bố trí hình thành nguồn lao động theo quy luật, xu hướng tiến bộ vào các lĩnh vực hoạt động, các ngành kinh tế, các vùng lãnh thổ.

Xét về bản chất thì đó là sự đổi mới tình trạng phân công lao động ngày càng tiến bộ hơn và đạt trình độ ngày càng cao hơn.

Phân bố nguồn lao động hợp lý phải phối hợp kết hợp hài hoà nhiều biện pháp phân bố theo từng lĩnh vực sản xuất, từng ngành, từng nội bộ ngành kinh tế, từng vùng lãnh thổ trong phạm vi quốc gia. Một xu hướng có tính quy luật là lực lượng lao động được phân bố và lĩnh vực sản xuất vật chất ngày càng giảm và khi nền kinh tế phát triển thì nhu cầu về hưởng thụ văn hoá tinh thần ngày càng cao và đây là nhu cầu vô hạn.

Đào tạo lao động, nâng cao trình độ lành nghề, trình độ chuyên môn kỹ thuật, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, nâng cao năng lực quản lý, chỉ đạo và tổ chức sản xuất. Trong lĩnh vực không sản xuất vật chất phân bổ tỷ trọng lớn lao động vào các ngành nghiên cứu khoa học, y tế giáo dục, văn hoá thể thao, giảm lao động trong quản lý hành chính, lao động quản lý. Trong lĩnh vực sản xuất vật chất tăng tỷ trọng lao động, giảm tỷ trọng lao động trong ngành nông nghiệp, bởi vì tăng năng suất lao động trong các ngành trên là thuận lợi hơn nó tác động trở lại ngành nông nghiệp.

2. Vai trò của nguồn lao động nông thôn

Lao động là một trong ba nhân tố của bất cứ một quá trình sản xuất nào và trong thời đại ngày nay khi mà các nguồn lực trở nên khan hiếm thì nó được xem xét là yếu tố quan trọng nhất của quá trình sản xuất, vai trò của nguồn lao động nói chung và nguồn lao động nông thôn nói riêng là rất quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế đất nước.

Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi nước ta đang thực hiện CNH - HĐH đất nước trong đó CNH- HĐH nông nghiệp, nông thôn được đặc biệt quan tâm. Vì vậy lao động nông thôn có vai trò hết sức quan trọng nó được thể hiện qua các mặt sau:

a. Nguồn lao động nông thôn tham gia vào quá trình phát triển các ngành trong nền kinh tế quốc dân.

Trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hoá, nguồn lực trong nông nghiệp có số lượng lớn và chiếm tỷ trọng cao trong tổng số lao động xã hội. Song, cùng với sự phát triển của quá trình công nghiệp

hoá, nguồn nhân lực trong nông nghiệp vận động theo xu hướng giảm xuống cả tương đối và tuyệt đối. Quá trình biến đổi đó diễn ra theo hai giai đoạn sau:

- Giai đoạn đầu: diễn ra khi đất nước bắt đầu công nghiệp hoá, nông nghiệp chuyển sang sản xuất hàng hoá, năng suất lao động nông nghiệp được giải phóng trở nên dư thừa và được các ngành khác thu hút, sử dụng vào hoạt động sản xuất- dịch vụ. Nhưng do tốc độ tăng tự nhiên của lao động trong khu vực công nghiệp còn lớn hơn tốc độ thu hút lao động dư thừa từ nông nghiệp, do đó ở thời kỳ này tỷ trọng lao động nông nghiệp mới giảm tương đối, số lượng lao động tuyệt đối còn tăng lên. Giai đoạn này dài hay ngắn là tùy thuộc vào trình độ phát triển của nền kinh tế của đất nước quyết định. Chúng ta có thể nhìn thấy hiện tượng này ở Việt Nam hiện nay đó là hiện tượng có nhiều nông dân bỏ ruộng và đi làm các việc phi nông nghiệp khác hoặc đi làm thuê với thu nhập cao hơn là làm nông nghiệp.

- Giai đoạn thứ hai: nền kinh tế đã phát triển ở trình độ cao, năng suất lao động nông nghiệp tăng nhanh và năng suất lao động xã hội đạt trình độ cao. Số lao động dôi ra do nông nghiệp giải phóng đã được ngành khác thu hút hết. Vì thế giai đoạn này số lượng lao động ở nông thôn giảm cả tương đối và tuyệt đối. Chúng ta đang trong quá trình công nghiệp hoá hiện đại hoá và chủ trương công nghiệp hoá hiện đại hoá nông thôn, hi vọng sẽ nâng cao được năng suất lao động ở nông thôn, từ đó sẽ từng bước rút bớt được lao động ở nông thôn để tham gia vào các ngành sản xuất khác.

b. Nguồn lao động nông thôn tham gia vào sản xuất lương thực thực phẩm.

Nước ta là một nước có truyền thống nông nghiệp lâu đời dân số sông chủ yếu bằng nghề nông. Vì vậy, nguồn lao động nông thôn tham gia vào sản xuất nông nghiệp là rất đông đảo. Cùng với sự đi lên của nền kinh tế và sự gia tăng về dân số thì nhu cầu về lương thực thực phẩm ngày càng gia tăng.

Việc sản xuất lương thực thực phẩm chỉ có thể đạt được trong ngành nông nghiệp và sức lao động để tạo ra lương thực, thực phẩm là do nguồn lao động nông thôn cung cấp.

Nền kinh tế phát triển gắn với sự phát triển của quá trình đô thị hoá, thu nhập của người dân tăng lên đòi hỏi khối lượng lương thực, thực phẩm ngày càng lớn và yêu cầu về chất lượng cũng ngày càng cao. Để có thể đáp ứng đủ về số lượng và đáp ứng yêu cầu về chất lượng thì nguồn lao động nông thôn phải được nâng cao về trình độ tay nghề và kinh nghiệm sản xuất

Như chúng ta đã biết vào những năm 1980 của thế kỷ trước hàng năm chúng ta phải nhập khẩu hàng triệu tấn lương thực, và trong những năm đó bình quân lương thực đầu người của chúng ta chỉ đạt 268,2 kg/người/năm. Nhưng do chất đó chất lượng nguồn lao động nông thôn ngày càng được nâng cao trong những năm sau đó, đặc biệt trong thời gian gần đây như : số lượng, trình độ chuyên môn kỹ thuật, tay nghề, học vấn của người lao động ngày càng được nâng lên. Nên năng suất và sản lượng lương thực tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng. Không những cung cấp lương thực, thực phẩm ổn định cho nhu cầu trong nước mà hàng năm chúng ta đã xuất khẩu nông sản, thu được ngoại tệ đáng kể cho đất nước trong thời gian qua đã tạo điều kiện vật chất cho quá trình CNH - HĐH đất nước. Để việc cung cấp lương thực, thực phẩm ổn

định và chất lượng không ngừng được nâng cao thì nguồn lao động nông thôn đóng vai trò hết sức quan trọng.

c. Nguồn lao động nông thôn tham gia vào quá trình sản xuất nguyên liệu cho công nghiệp chế biến Nông - Lâm - Thủy sản .

Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản với các yếu tố đầu vào là các sản phẩm mà người lao động nông thôn làm ra. Trong thời kỳ CNH - HĐH thì phát triển công nghiệp chế biến là rất quan trọng để nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

d. Lao động nông thôn là thị trường tiêu thụ sản phẩm của các ngành khác.

Lao động nông thôn là thị trường tiêu thụ sản phẩm rộng lớn của các ngành khác và của chính bản thân ngành nông nghiệp. Tại thời điểm 01/07/2003, lực lượng lao động của cả nước là 42.128.343 người. Trong đó, khu vực nông thôn có 31.941.500 lao động chiếm 75,82% lực lượng lao động toàn quốc. Đến thời điểm 01/7/2004, lực lượng lao động cả nước có 43,255 triệu lao động tăng gần 2.7% so với thời điểm 01/07/2003. Trong đó lực lượng lao động nông thôn có 32,706 triệu người, chiếm 75,6% lực lượng lao động cả nước. Với dân số trên 30 triệu thì có thể nói nông thôn là một thị trường tiêu thụ rộng lớn cần phải được khai thác triệt để.

3. Đặc điểm của nguồn lao động ở nông thôn

Do đặc điểm của sản xuất nông nghiệp có đặc điểm khác với đặc điểm của các ngành khác. Vì vậy, lao động nông thôn cũng có những đặc điểm khác với lao động ở các ngành kinh tế khác, cụ thể nó biểu hiện ở các mặt sau:

a. Lao động nông thôn mang tính thời vụ.

Đây là đặc điểm đặc thù không thể xóa bỏ được của lao động nông thôn. Nguyên nhân của nét đặc thù trên là do: đối tượng của sản xuất nông nghiệp là cây trồng vật nuôi chúng là những cơ thể sống trong đó quá trình tái sản xuất tự nhiên và tái sản xuất kinh tế đan xen nhau.

Cùng một loại cây trồng vật nuôi ở những vùng khác nhau có điều kiện tự nhiên khác nhau chúng cũng có quá trình sinh trưởng và phát triển khác nhau. Tính thời vụ trong nông nghiệp là vĩnh cửu không thể xóa bỏ được trong quá trình sản xuất chúng ta chỉ có thể tìm cách làm